

Số: 1709/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v Báo cáo tình hình thực hiện công khai
và số liệu tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. ĐN	
Số:.....	589
Ngày:.....	09.13.2009
Chuyên:.....	

CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn mẫu biểu thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và báo cáo số liệu tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 264/STC-HCSN ngày 11 tháng 02 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức) thuộc địa phương quản lý được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải thực hiện công khai theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 2. Về chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai và số liệu tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện như sau:

1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

a) Công khai dự toán, số lượng, chủng loại, kế hoạch và phương thức đầu tư, mua sắm, trang bị tài sản nhà nước và kết quả thực hiện theo mẫu biểu số 01 (đính kèm) chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày việc đầu tư, mua sắm, trang bị tài sản nhà nước hoàn thành.

b) Công khai số lượng, giá trị tài sản nhà nước (bao gồm nguyên giá và giá trị còn lại) được giao, hình thức sử dụng, mục đích sử dụng đối với những loại tài sản theo khoản 2 Điều 1 tại Quy định kèm theo Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện công khai theo mẫu biểu số 02A (đính kèm).

c) Công khai số lượng, chủng loại tài sản, phương thức cho thuê và việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ việc cho thuê tài sản nhà nước được thực hiện công khai theo mẫu biểu số 02B (đính kèm).

d) Công khai việc điều chuyển, thanh lý, bán, chuyển nhượng và các hình thức chuyển đổi sở hữu khác đối với tài sản nhà nước được thực hiện công khai theo mẫu biểu số 03 (đính kèm).

đ) Công khai việc quản lý, sử dụng các tài sản được viện trợ, quà biếu, tặng cho và tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được thực hiện công khai theo mẫu biểu số 04 (đính kèm) trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận tài sản từ nguồn viện trợ, biếu, tặng cho.

2. Báo cáo số liệu tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

a) Đối với tình hình quản lý, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác (xe ô tô) được thực hiện theo mẫu biểu số 05A (đính kèm).

b) Đối với tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc được thực hiện theo mẫu biểu số 05B (đính kèm).

Điều 3. Thời điểm báo cáo.

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm báo cáo:

a) Theo các mẫu biểu nêu tại các điểm b, c, d khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 2 Quyết định này chậm nhất ngày 30 tháng 01 hàng năm cho cơ quan tài chính cùng cấp (đối với cấp phường, xã báo cáo cho phòng Tài chính-Kế hoạch quận, huyện).

b) Theo các mẫu biểu nêu tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 2 Quyết định này chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi thực hiện công khai cho cơ quan tài chính cùng cấp (đối với cấp phường, xã báo cáo cho phòng Tài chính-Kế hoạch quận, huyện).

2. Phòng Tài chính-Kế hoạch quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và trình UBND quận, huyện để xem xét ký gửi báo cáo cho Sở Tài chính chậm nhất ngày 10 tháng 02 hàng năm đối với các mẫu biểu nêu tại điểm a, khoản 1 Điều 3 và chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi nhận báo cáo công khai đối với các mẫu biểu nêu tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp thành phố và báo cáo của UBND các quận, huyện để trình UBND thành phố xem xét ký gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 02 hàng năm. Đối với báo cáo tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Sở Tài chính vẫn thực hiện trình UBND thành phố để báo cáo cho Bộ Tài chính trước ngày 30/6 và ngày 31/12 theo định kỳ hàng năm.

b) Hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước để thực hiện công khai, báo cáo công khai theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Hướng dẫn và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện xong việc kê khai đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tại cơ quan, đơn vị tổ chức theo quy định tại Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ và Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính để chuẩn bị triển khai sử dụng Chương trình phần mềm tin học Quản lý đăng ký tài sản nhà nước do Bộ Tài chính tổ chức.

Điều 4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không thực hiện công khai và không báo cáo công khai, báo cáo số liệu tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì cơ quan tài chính cùng cấp tạm thời dừng cấp phát kinh phí đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- TTTU, TT HĐND thành phố (để b/c);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- UBMT Tổ quốc VN thành phố ĐN;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tp;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tp;
- Các Hội, Đoàn thể thuộc thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Quỹ Đầu tư phát triển;
- Lưu VT, KTTH. 60

KT. CHỦ TỊCH *Tuy*
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Duy Khương
Vũ Duy Khương

Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố:.....
 Cơ quan, đơn vị, tổ chức:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Biểu 0

BIỂU CÔNG KHAI DỰ TOÁN, SỐ LƯỢNG, CHUNG LOẠI, KẾ HOẠCH, HÌNH THỨC MUA SẮM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm	Dự toán được giao (triệu đồng)	Thực hiện						Hình thức mua sắm (đánh dấu tích)			Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Ghi chú
					Số lượng	Chủng loại	Nhãn hiệu	Đơn giá (đã bao gồm các loại thuế, phí có liên quan)	Thành tiền (triệu đồng)	Đấu thầu	Chỉ định thầu	Chào hàng cạnh tranh	Mua sắm trực tiếp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Tài sản A														
2	Tài sản B														
3	Tài sản C														
														
														
														

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

Cơ quan, đơn vị, tổ chức:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Biểu 02B

BIỂU CÔNG KHAI VIỆC CHO THUÊ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
(Đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức được cho thuê tài sản nhà nước)
NĂM....

S/tt	Tên tài sản cho thuê	Đơn vị tính	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Số lượng tài sản cho thuê	Đơn giá thuê (triệu đồng /tháng)	Thời điểm cho thuê	Thời hạn cho thuê	Tổng số tiền thu được từ việc tài sản trong năm (triệu đồng)	Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản	Số Hợp đồng cho thuê tài sản (ngày, tháng, năm)	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Trụ sở làm việc và các công trình gắn liền với đất (m ² nhà, đất)										
	Trụ sở A										
	Trụ sở B										
										
	CỘNG										
II	Phương tiện đi lại (biển kiểm soát)										
	Xe A										
	Xe B										
										
	CỘNG										
III	Tài sản khác										
										
										
	CỘNG										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố:.....
 Cơ quan, đơn vị, tổ chức:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Biểu 02A

BIỂU CÔNG KHAI VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
 NĂM.....

Stt	Tên tài sản	Hiện trạng quản lý, sử dụng tài sản nhà nước																		
		3	4	5	6	7	8	9		10	11		12	13	14	15	16	17	18	19
I	Trụ sở làm việc và các công trình gắn liền với đất	Tên đơn vị được giao sử dụng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Cấp hạng nhà	Số tầng	Diện tích đất	Diện tích (m ²)		Diện tích sàn sử dụng	Giá trị (triệu đồng)		Trụ sở làm việc và hoạt động sự nghiệp	Cho thuê không dùng chức năng	Cho thuê phù hợp với chức năng	Cho mượn	Làm nhà ở	Để trống	Khác	
								Diện tích xây dựng	Diện tích đất		Nguyên giá nhà, công trình	Giá trị còn lại nhà, công trình								
	Địa chỉ trụ sở A																			
	Địa chỉ trụ sở B																			
																			
	CỘNG																			
II	Phương tiện đi lại (Biển kiểm soát)	Tên đơn vị được giao sử dụng	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nhãn hiệu	Số chỗ ngồi	Mục đích trang bị (đánh dấu tích)		Xe chuyên dùng	Giá trị (triệu đồng)		Phục vụ công tác	Phục vụ nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của ngành, lĩnh vực	Cho thuê	Cho mượn	Không sử dụng (do cũ hỏng, hoặc không có nhu cầu...)	Hình thức sử dụng khác	Ghi chú		
							Xe trang bị cho các chức danh có tiêu chuẩn	Xe phục vụ công tác (chung)		Nguyên giá	Giá trị còn lại									
	Xe A																			
	Xe B																			
																			
	CỘNG																			
III	Tài sản khác	Tên đơn vị được giao sử dụng	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích trang bị (đánh dấu tích)		Phục vụ nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực	Giá trị (triệu đồng)		Sử dụng phục vụ công tác của cơ quan, đơn vị dùng mục đích	Cho thuê	Cho mượn	Sử dụng không phù hợp với tính năng của tài sản	Không sử dụng (do cũ hỏng, hoặc không có nhu cầu...)	Mục đích khác	Ghi chú		
							Phục vụ cá nhân	Phục vụ cho hoạt động chung của cơ quan, đơn vị		Nguyên giá	Giá trị còn lại									
	Tài sản A																			
	Tài sản B																			
																			
	CỘNG																			

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố:.....
 Cơ quan, đơn vị, tổ chức:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
 Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIỂU CÔNG KHAI VIỆC ĐIỀU CHUYỂN, THANH LÝ, BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI, TIÊU HỦY TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
 BIỂU 03
 NĂM.....

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính (m ² đất, nhà, cái, chiếc...)	Điều chuyển				Thanh lý				Bán, chuyển nhượng				Thu hồi				Các khoản chi phí phát sinh tại điểm chuyển thanh lý, bán tài sản, thu hồi và tiêu hủy tài sản (triệu đồng)					
			Số lượng đồng)	Nguyên giá (trệu đồng)	Giá trị còn lại tại thời điểm điều chuyển (trệu đồng)	Cơ quan, đơn vị, tổ chức nhận điều chuyển	Số lượng	Nguyên giá (trệu đồng)	Giá trị còn lại tại thời điểm bán, chuyển nhượng (trệu đồng)	Số tiền thu được từ việc thanh lý (trệu đồng)	Số lượng	Nguyên giá (trệu đồng)	Giá trị còn lại (trệu đồng)	Số lượng	Nguyên giá (trệu đồng)	Giá trị còn lại (trệu đồng)	Số lượng	Nguyên giá (trệu đồng)		Giá trị còn lại tại thời điểm có QĐ tiêu hủy (trệu đồng)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
I	Trụ sở làm việc và các công trình gắn liền với đất																							
	Trụ sở A																							
	Trụ sở B																							
II	Phương tiện đi lại																							
	Xe A (Biển số)																							
	Xe B (Biển số)																							
III	Tài sản khác																							
	Tài sản A																							
	Tài sản B																							
	TỔNG CỘNG																							

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

- Ghi chú:**
- Số tiền thu được từ việc thanh lý: Số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản sau khi đã trừ đi các chi phí có liên
 - Số tiền thu được từ việc bán, chuyển nhượng tài sản nhà nước: Số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật.
 - Hình thức bán, chuyển nhượng tài sản nhà nước: Bán đấu giá, bán chỉ định hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật

BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP
NĂM.....

Đơn vị: m², triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng khuân viên đất được giao sử dụng	Diện tích trụ sở làm việc tại thời điểm đầu kỳ báo cáo (m ² sản sử dụng)			Diện tích trụ sở làm việc tăng trong kỳ			Diện tích trụ sở làm việc giảm trong kỳ						Diện tích trụ sở làm việc có đến cuối kỳ báo cáo (m ² sản sử dụng)			Diện tích nhà làm việc sử dụng không đúng mục đích đến kỳ báo cáo chưa xử lý											
			Diện tích khuân viên đất	Giá trị quyền sử dụng đất	DT sản sử dụng	DT sản sử dụng	Giá trị theo SSKT	Nguyên giá theo SSKT	Giá trị còn lại theo SSKT	Xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp trong kỳ	Tiếp nhận do nhận điều chuyển	Điều chuyển		Thanh lý, nhượng bán		Bị thu hồi		DT sản sử dụng	Nguyên giá theo SSKT	Giá trị còn lại theo SSKT	DT sản sử dụng	Nguyên giá theo SSKT	Giá trị còn lại theo SSKT	Không sử dụng	Cho thuê, mượn, thuê ở khác	Bất tri làm mục đích khác	Sử dụng mục đích khác		
												DT sản sử dụng	Giá trị theo SSKT	DT sản sử dụng	Giá trị theo SSKT	DT sản sử dụng	Giá trị theo SSKT											DT sản sử dụng	Giá trị theo SSKT
1	Đơn vị	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16	17	18	19	20	21	23	24	25	26	27	28	29	30	
1	A																												
2	B																												
3	.																												
	.																												
	.																												
TỔNG CỘNG																													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:
Giá trị quyền sử dụng đất là giá trị được xác định theo Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/1/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

10.07.08 Quoc
(720)

Số: 115 /2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1-9

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 04 tháng 8 năm 2007;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). A. 295



Nguyễn Tấn Dũng

Ki: Phòng KHTZ
- Sao cho lượn đi, VP, G, Gi, đ, ai, ca
- Thanh niên, tài, khai, tập, hội,
- Lưu -

19/9 26.08

QUY ĐỊNH

**Về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập
và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 115 /2008/QĐ-TTg
ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức) được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Việc công khai đối với tài sản nhà nước thuộc phạm vi bí mật nhà nước, tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tài sản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phạm vi áp dụng: Việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Quy định này thực hiện đối với các loại tài sản sau: nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, phương tiện đi lại, tài sản được quy định là tài sản cố định (hữu hình) theo quy định của nhà nước về chế độ quản lý tài sản cố định được hình thành từ nguồn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách; tài sản là hàng viện trợ, quà biếu, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật, được Nhà nước giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng.

Điều 2. Nguyên tắc công khai

Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về quản lý, sử dụng tài sản phải công khai, phù hợp với từng đối tượng cung cấp và tiếp nhận thông tin thông qua những hình thức quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Điều 3. Hình thức công khai

1. Việc công khai quản lý, sử dụng tài sản theo Quy định này được thực hiện thông qua các hình thức sau:

- a) Công bố trong các kỳ họp thường niên của cơ quan, đơn vị, tổ chức;
- b) Phát hành ấn phẩm;
- c) Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, tổ chức;
- d) Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- đ) Đưa lên trang thông tin điện tử;
- e) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Căn cứ vào nội dung công khai, đối tượng công khai, mục đích công khai, thời điểm công khai và điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức ở Trung ương (dưới đây gọi chung là Bộ, cơ quan Trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức công khai đối với các nội dung thực hiện công khai theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CÔNG KHAI QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Công khai chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức xây dựng và công bố công khai quy chế về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước áp dụng trong phạm vi cơ quan, đơn vị, tổ chức.

2. Thời điểm công khai các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất 30 ngày kể từ ngày các quy chế nói trên có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Công khai kinh phí, kế hoạch đầu tư, mua sắm, trang bị tài sản nhà nước

1. Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được giao, các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp công khai việc phân bổ dự toán kinh phí đầu tư, mua sắm, trang bị tài sản nhà nước đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, cơ quan, đơn vị, tổ chức công khai dự toán, số lượng, chủng loại, kế hoạch và phương thức đầu tư, mua sắm, trang bị tài sản nhà nước và kết quả thực hiện của đơn vị mình.

3. Thời điểm công khai các quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày dự toán kinh phí đầu tư mua sắm tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thời điểm công khai các quy định tại khoản 2 Điều này chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày việc mua sắm, trang bị tài sản nhà nước hoàn thành.

Điều 6. Công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện công khai: số lượng, giá trị tài sản nhà nước (bao gồm nguyên giá và giá trị còn lại) được giao, hình thức sử dụng, mục đích sử dụng đối với những loại tài sản thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy định này.

2. Các đơn vị, tổ chức được phép cho thuê tài sản nhà nước phải thực hiện công khai số lượng, chủng loại tài sản, phương thức cho thuê và việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ việc cho thuê tài sản nhà nước.

3. Trường hợp được người bán, người cung cấp trả hoa hồng, chiết khấu hàng bán hoặc khuyến mãi thì phải thực hiện thông báo công khai việc nhận và xử lý các khoản này theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung công khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được công khai định kỳ hàng năm, chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Điều 7. Công khai việc điều chuyển, thanh lý, bán, chuyển nhượng và các hình thức chuyển đổi sở hữu khác đối với tài sản nhà nước.

Định kỳ hàng năm, chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch, cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản phải thông báo công khai số lượng, chủng loại và giá trị tài sản điều chuyển, nhận điều chuyển, tài sản thanh lý, tài sản bán, chuyển nhượng, tài sản tiêu hủy, tài sản phải chuyển đổi hình thức sở hữu cũng như công khai các khoản thu và các chi phí liên quan theo chế độ quy định.

Điều 8. Công khai việc quản lý, sử dụng các tài sản được viện trợ, quà biếu, tặng cho.

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận tài sản từ nguồn viện trợ, biếu, tặng cho; cơ quan, đơn vị được nhận viện trợ, quà biếu, tặng cho phải công khai quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền và phương án sử dụng tài sản tại đơn vị mình và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

Chương III
QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÔNG KHAI
QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai và tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo thực hiện tổng hợp và công bố số liệu về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý và báo cáo tình hình thực hiện công khai về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gửi Bộ Tài chính trong thời gian chậm nhất 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính tổng hợp và công bố số liệu quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các Bộ, ngành, tổ chức thuộc trung ương và địa phương trong cả nước báo cáo Chính phủ để trình Quốc Hội trong thời gian chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể mẫu biểu về tình hình thực hiện quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 10. Kiểm tra và giám sát thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban Mặt trận tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể trong cơ quan, đơn vị và nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo các quy định tại Quy định này.

Điều 11. Chất vấn

1. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc đối tượng được tiếp nhận thông tin công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo các quy định của Quy định này có quyền chất vấn cơ quan, tổ chức, đơn vị về các nội dung công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Việc chất vấn được thực hiện theo quy chế công khai, dân chủ ở cơ sở; quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Trả lời chất vấn

Người có trách nhiệm thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của Quy định này phải trả lời chất vấn về các nội dung công khai cho người chất vấn chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận nội dung chất vấn.

Trường hợp nội dung chất vấn phức tạp, cần nhiều thời gian để chuẩn bị trả lời được gia hạn thêm 15 ngày song phải thông báo đến người chất vấn trong vòng 5 ngày kể từ khi hết hạn lần đầu.

Việc trả lời chất vấn phải được thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc văn bản và gửi tới người chất vấn.

Chương IV TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện đúng những quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Quy định này thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thi hành Quy định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

**VĂN PHÒNG UBND
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 599 /SY

SAO Y BẢN CHÍNH

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 9 năm 2008

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tp;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể;
- Cục Thuế, KBNN Đà Nẵng, Hải quan, BHXH Đà Nẵng;
- UBND các quận, huyện;
- TT BCĐ phòng, chống tham nhũng Đà Nẵng;
- Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH;
- CVP và các PCVP;
- VP: VX, QLĐTư, QL ĐTh, Quản trị,
Tài vụ, KTTH;
- Lưu trữ (bản gốc). **410**



Lê Tùng